

Số: 14 /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 3 Điều 6 như sau:

“h) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ tương đương của các bên chuyển quyền sở hữu là tổ chức.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 17 như sau:

“c) Số định danh cá nhân đối với khách hàng cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với khách hàng là tổ chức trong nước; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán đối với khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài;”

Điều 2. Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc Hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử UBCKNN;
- Lưu: VT, UBCKNN (100b) *thư*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Mẫu số 01
(Kèm theo Thông tư số
14/2025/TT-BTC ngày 4/4/2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm...

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC BÙ TRỪ, THANH TOÁN

Hợp đồng ủy thác bù trừ, thanh toán giữa thành viên không bù trừ và thành viên bù trừ chung bao gồm tối thiểu những nội dung sau đây:

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
- Căn cứ Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
- Căn cứ Thông tư số 14 ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

2. Các bên tham gia ký kết hợp đồng

- Tên, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép thành lập và hoạt động của thành viên không bù trừ; Họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân (đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân), số hộ chiếu (đối với người nước ngoài không có số định danh cá nhân), chức danh, quyết định ủy quyền của người đại diện, người được ủy quyền theo pháp luật của thành viên không bù trừ;
- Tên, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép thành lập và hoạt động của thành viên bù trừ chung; Họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân (đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài đã được

cấp số định danh cá nhân), số hộ chiếu (đối với người nước ngoài không có số định danh cá nhân), chức danh, quyết định ủy quyền của người đại diện, người được ủy quyền theo pháp luật của thành viên bù trừ chung.

3. Điều khoản và các thỏa thuận cụ thể

- Mở tài khoản của nhà đầu tư tại thành viên không bù trừ;
- Mở tài khoản ký quỹ tại thành viên bù trừ chung;
- Thành viên không bù trừ đại diện cho nhà đầu tư trong mối quan hệ với thành viên bù trừ chung;
- Hợp đồng 3 bên giữa nhà đầu tư - thành viên không bù trừ - thành viên bù trừ chung;
- Quy định về nộp/rút tài sản ký quỹ của nhà đầu tư;
- Quy định về kiểm tra ký quỹ trước khi đặt lệnh giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Quy định về giám sát số lượng hợp đồng nắm giữ để đảm bảo tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ, giới hạn vị thế cho phép.

4. Điều khoản về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia

- Thành viên bù trừ chung nhận ủy thác của thành viên không bù trừ để thực hiện đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh thông qua các cơ chế bảo đảm thanh toán và phòng ngừa rủi ro;
- Thành viên bù trừ chung cung cấp cho thành viên không bù trừ các dịch vụ liên quan tới hoạt động bù trừ, thanh toán, bao gồm: bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; theo dõi, quản lý tài sản ký quỹ của thành viên không bù trừ và khách hàng của thành viên không bù trừ; bảo đảm quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên không bù trừ và tài khoản, tài sản của khách hàng của thành viên không bù trừ;
- Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có) của các bên.

5. Điều khoản về các thỏa thuận khác

- Phí ủy thác theo quy định (nếu có) hoặc thỏa thuận giữa các bên;
- Giải quyết tranh chấp phát sinh;
- Phương án xử lý đối với trường hợp thành viên không bù trừ hoặc khách hàng của thành viên không bù trừ mất khả năng thanh toán;
- Phương án xử lý đối với trường hợp thành viên không bù trừ hoặc khách hàng của thành viên không bù trừ phá sản;
- Xử lý đối với các vấn đề lỗi của thành viên không bù trừ (đặt lệnh sai...), lỗi của thành viên bù trừ (thông tin sai về ký quỹ, số hợp đồng nắm giữ...);

- Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng.

6. Các vấn đề khác ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên.

Mẫu số 02
(Kèm theo Thông tư số
14/2025/TT-BTC ngày 4/4/2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm...

HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh giữa công ty chứng khoán và khách hàng bao gồm tối thiểu những nội dung sau đây:

1. Các bên tham gia ký kết hợp đồng

- Tên, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán; Họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân (đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân), số hộ chiếu (đối với người nước ngoài không có số định danh cá nhân), quyết định ủy quyền của người đại diện, người được ủy quyền theo pháp luật của công ty chứng khoán;

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ, điện thoại, số định danh cá nhân (đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân), số hộ chiếu (đối với người nước ngoài không có số định danh cá nhân) của khách hàng cá nhân; Tên, địa chỉ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của khách hàng tổ chức, họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, chức danh, số định danh cá nhân (đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân), số hộ chiếu (đối với người nước ngoài không có số định danh cá nhân), quyết định ủy quyền của người đại diện, người được ủy quyền theo pháp luật của khách hàng tổ chức (nếu có).

2. Điều khoản về các thỏa thuận cụ thể

- a) Các cách thức nhận lệnh của công ty;
- b) Tỷ lệ ký quỹ chứng khoán phái sinh được áp dụng;
- c) Thỏa thuận về lãi suất trên số dư tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng;

d) Thời hạn, cách thức xử lý tài sản trong trường hợp khách hàng bị mất khả năng thanh toán;

đ) Thỏa thuận về thời gian và phương thức chuyển đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam trong trường hợp chuyển tiền giao dịch chứng khoán phái sinh bằng ngoại tệ.

e) Nêu rõ các rủi ro phát sinh trong trường hợp thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán hoặc bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản.

3. Điều khoản về quyền và nghĩa vụ các bên tham gia

a) Quyền và nghĩa vụ của khách hàng (sở hữu tiền, chứng khoán phái sinh và các khoản lợi nhuận, quyền và lợi ích hợp pháp khác gắn liền với số tiền, chứng khoán phái sinh đó; cung cấp thông tin theo yêu cầu của công ty, trả phí giao dịch...);

b) Quyền và nghĩa vụ của công ty chứng khoán (thu phí giao dịch, thực hiện các ủy quyền hợp pháp khác theo thỏa thuận với khách hàng; lưu giữ, quản lý tiền, chứng khoán phái sinh cho khách hàng, thực hiện giao dịch, bảo mật thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu của khách hàng...);

c) Quyền của thành viên bù trừ (sử dụng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư để ký quỹ cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với vị thế mở của nhà đầu tư; có quyền đóng vị thế, sử dụng tài sản ký quỹ của nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư mất khả năng thanh toán...).

4. Điều khoản về các thỏa thuận khác

a) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, điều khoản này nêu rõ:

- Khách hàng được bồi thường thiệt hại nếu công ty vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này;

- Mức bồi thường thiệt hại: Do các bên thỏa thuận cụ thể hoặc theo quy định của pháp luật.

b) Cách thức xử lý tài khoản trong trường hợp công ty bị đình chỉ hoạt động, hủy bỏ tư cách thành viên, điều chỉnh rút nghiệp vụ môi giới, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn;

d) Thời gian có hiệu lực của hợp đồng;

đ) Giải quyết tranh chấp phát sinh;

Các thỏa thuận khác theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.